

Bản án số: 160/2026/HS-ST

Ngày: 31/3/2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Phương Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Đẹp

Ông Bùi Văn Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Chính Hạo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 169/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Văn D - sinh năm: 1991 tại: Khánh Hòa; CCCD: 058091009869; Giới tính: Nam; Thường trú: Thôn B, xã P, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/10/2007 Ủy ban nhân dân T2 - T, Ninh Thuận Quyết định đưa vào Trường G1 tháng; Ngày 12/11/2009 Toà án huyện N, Ninh Thuận phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 78 ngày 12/11/2009, Ngày 20/12/2010, bị Toà án TP . - T, Ninh Thuận phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 71 ngày 20/12/2010; Ngày 13/01/2011, bị Toà án TP . - T, Ninh Thuận phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 01 ngày 13/01/2011, chấp hành xong (hình phạt của 03 bản án) ngày 29/11/2012; Bị cáo bị bắt ngày 20/11/2025, bị tạm giam Trại tạm giam C - Công an Thành phố H; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Những người tham gia tố tụng khác:*

**Bị hại:** Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1967, CCCD số 079067007401 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 20/09/2025, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô biển số: 68M3-2783 đi từ bến xe A đến xã T, TP . xin việc làm. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, D đến quán nước Huỳnh V, địa chỉ số 1 đường T, ấp T, xã T, TP . để uống nước, D kêu nước nhưng không ai bán, D đi thẳng ra phía sau quán thấy ông Nguyễn Văn G nằm ngủ trên võng, trên ngực ông G để một điện thoại hiệu S A35, màu đen, D nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại của ông G. Vì vậy D lén lút đi đến dùng tay trái lấy trộm điện thoại còn tay phải rút dây tai nghe sau đó đi ra xe mô tô giấu điện thoại vào ba lô để phía trước xe rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 20/09/2025, D đi đến điểm bán hàng V1 số 2/240 đường D, xã X, TP ., ghé vào bán điện thoại Samsung Galaxy A35, màu đen với giá 3.000.000 đồng. Đến ngày 22/09/2025 D tiếp tục bán xe mô tô biển số: 68M3-2783 cho một người thanh niên không rõ lai lịch với giá 1.200.000 đồng.

D không có việc làm, để có tiền tiêu xài nên khi phát hiện tài sản của người khác không được trông coi cẩn thận liền nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Số tiền D bán điện thoại di động trộm được đã tiêu xài hết. D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và thực hiện một mình không có đồng phạm. Tài sản trộm cắp không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp xã kết luận: Giá trị tiền của điện thoại di động hiệu S A35, màu đen, I: 351676566080109 tại thời điểm xảy ra vụ án là 4.500.000 đồng; Quá trình điều tra, Phạm Văn D thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng: 01 quần Jean nam dài (màu đen), 01 áo sơ mi nam sọc dài tay (màu trắng xanh), 01 giày ba ta nam (màu trắng), 01 mũ bảo hiểm (màu đen) trên mũ có số 46 màu vàng và 01 ba lô vải màu vàng đen được Phạm Văn D mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn G yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 277/CT-VKSKV8 ngày 03/3/2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi của bị cáo đối với người bị hại và đối với xã hội đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 quần Jean nam dài (màu đen), 01 áo sơ mi nam sọc dài tay (màu trắng xanh), 01 giày ba ta nam (màu trắng), 01 mũ bảo hiểm (màu đen) trên mũ có số 46 màu vàng và 01 ba lô vải màu vàng đen.

- Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 4.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, và đồng ý bồi thường cho các bị hại theo như yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 20/09/2025, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô biển số: 68M3-2783 đến quán nước Huỳnh V, địa chỉ số 1 đường T, ấp T, xã T, TP . để uống nước, D kêu nước nhưng không ai bán, D đi thẳng ra phía sau quán thấy ông Nguyễn Văn G nằm ngủ trên võng, trên ngực ông G để một điện thoại hiệu S A35, màu đen, D nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại của ông G. Vì vậy D lén lút đi đến dùng tay trái lấy điện thoại còn tay phải rút dây tai nghe sau đó đi ra xe mô tô giấu điện thoại vào ba lô (để phía trước xe) rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Căn cứ kết quả định giá: điện thoại di động hiệu S A35, màu đen có giá trị là 4.500.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Đối với đối tượng là người tiêu thụ điện thoại do chưa rõ lai lịch nên chưa có căn cứ xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Văn G 4.500.000đồng. Sự tự nguyện của bị cáo phù hợp với kết quả định giá, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn G số tiền 4.500.000đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 quần Jean nam dài, 01 áo sơ mi nam sọc dài tay, 01 giày ba ta nam, 01 mũ bảo hiểm và 01 ba lô vải màu vàng đen: Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu và tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025):

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2025.

2. Căn cứ Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn G 4.500.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn G có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thi hành khoản tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Tịch thu, tiêu hủy: 01 quần Jean nam dài, 01 áo sơ mi nam sọc dài tay, 01 giày ba ta nam, 01 mũ bảo hiểm và 01 ba lô vải màu vàng đen.

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV8-TP.HCM;
- PV06 - Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV8 – TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Phương Nam**